

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **280/2024/HS-ST**

Ngày: 25/9/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy;

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Thân; Ông Vương Đình Quang;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 239/2024/TLST-HS ngày 13/9/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2024/QĐXXST-HS ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, đối với các Bị cáo:

1. Họ và tên: Đặng Thị Thanh T; Sinh năm: 1970; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký HKTT: Tổ C, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; Địa chỉ nơi ở: Số H N, phường C, quận N, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đặng Đình T1; Con bà: Phạm Thị H; Gia đình Bị cáo có 04 chị em, Bị cáo là con thứ ba; Chồng: Nguyễn Trọng B; Bị cáo có 01 con *sinh năm 1991*; Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/5/2024 đến ngày 05/7/2024, hiện đang bị áp dụng Lệnh: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”.

2. Họ và tên: Lê Văn T2; Sinh năm: 1990; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nơi đăng ký HKTT: Xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; Địa chỉ nơi ở: Số B, ngách E, N, phường C, quận N, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Văn L

(*Đã chết*); Con bà: Vũ Thị H1; Gia đình Bị cáo có 04 anh chị em, Bị cáo là con thứ ba; Vợ: Ngô Thị H2; Bị cáo có 02 con (*Con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2019*); Trích lục tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/5/2024 đến ngày 24/5/2024, hiện đang bị áp dụng Lệnh: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”.

(*Các Bị cáo có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 18 giờ 00 phút ngày 16/5/2024, tổ công tác Đ2 Công an quận N, thành phố Hà Nội tuần tra kiểm soát trên tuyến đường N, phường C, quận N, thành phố Hà Nội phát hiện 03 đối tượng có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra. Tại chỗ Lê Văn T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân T3 đều khai nhận vừa mua số lô, số đề và mỗi người đều giữ 01 tích kê số lô, số đề ghi ngày 16/5/2024. Cơ quan Công an tiến hành dẫn giải Lê Văn T2, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân T3 chỉ địa điểm vừa mua các số lô, số đề và bắt quả tang Đặng Thị Thanh T đang bán số lô, số đề tại địa chỉ: Số H N, phường C, quận N, Hà Nội. Tổ công tác đã lập biên bản phạm tội quả tang và đưa T, T2, người liên quan cùng vật chứng về trụ sở Công an quận N để xác minh làm rõ.

Vật chứng tạm giữ của Đặng Thị Thanh T gồm có: 01 điện thoại di động Iphone X màu đen đã qua sử dụng và số tiền 13.500.000 đồng (*Bằng chữ: Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng*); Lê Văn T2, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Xuân T3 giao nộp: 03 tờ tích kê ghi các số lô, số đề; Tiến hành kiểm tra điện thoại tạm giữ của Đặng Thị Thanh T phát hiện: 08 hình ảnh chụp tờ giấy có ghi số lô, số đề mà T đã bán cho khách ngày 16/5/2024.

Quá trình điều tra xác định: Do không có công ăn việc làm ổn định nên Đặng Thị Thanh T mở đại lý xổ số V1 tại địa chỉ số H N, phường C, quận N, Hà Nội mục đích bán xổ số V và bán lô đề cho khách để hưởng lợi. Số tiền bán số lô, số đề cho khách T giữ lại tự thanh toán thắng thua với khách, T không chuyển cho ai. Quy ước tính tiền T bán số lô, số đề cho khách như sau: Thuyết bán cho khách 01 điểm lô = 22.500 đồng đối với khách mua nhiều, bán cho khách 01 điểm lô = 23.000 đồng đối với khách mua ít hoặc tùy từng khách; bán số đề và số lô xiên, T thu đủ của khách 10.000 đồng và khuyến mại thêm 1000 đồng (khuyến mãi 10%) trực tiếp vào tích kê. Sau khi bán các số lô, số đề cho khách, T sử dụng điện thoại chụp ảnh tích kê các số lô, số đề lưu trong điện thoại để ghi nhớ. Sau đó chờ kết quả xổ số kiến thiết Miền B mở thưởng trong ngày để tính toán tiền thắng thua với khách.

Cách tính tiền thắng thua của việc đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề như sau: Người mua số lô, số đề sẽ chọn các con số gồm 2 chữ số tự nhiên bất kỳ từ 00 đến 99 và đặt cược theo các hình thức đánh số đề, số lô, lô xiên. Kết quả thắng thua được tính dựa vào kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng trong ngày. Đối với hình thức ghi số đề nếu số người chơi đã chọn trùng với 2 chữ số cuối của giải đặc biệt thì người chơi thắng bạc (trúng đề) và người chơi được gấp 70 lần số tiền đã cược. Kiểu đánh phổ biến là “Bộ số đề”. Có tất cả 10 bộ số đề, gồm có:

- Bộ 01: gồm các số đề 01, 10, 06, 60, 51, 15, 56, 65;
- Bộ B1: gồm các số đề 02, 20, 07, 70, 52, 25, 57, 75;
- Bộ C: gồm các số đề 03, 30, 08, 80, 53, 35, 58, 85;
- Bộ 04: gồm các số đề 04, 40, 09, 90, 54, 45, 59, 95;
- Bộ 12: gồm các số đề 12, 21, 17, 71, 62, 26, 67, 76;
- Bộ A: gồm các số đề 13, 31, 18, 81, 63, 36, 68, 86;
- Bộ 14: gồm các số đề 14, 41, 19, 91, 64, 46, 69, 96;
- Bộ 23: gồm các số đề 23, 32, 28, 82, 73, 37, 78, 87;
- Bộ B2: gồm các số đề 24, 42, 29, 92, 74, 47, 79, 97;
- Bộ C1: gồm các số đề 34, 43, 39, 93, 84, 48, 89, 98.

Đối với đề 3 càng (kiểu chọn đề có 3 chữ số) thì nếu số đề người chơi đã chọn trùng với 03 số cuối của giải đặc biệt thì người chơi thắng bạc và người chơi được gấp 400 lần số tiền đã cược.

Đối với hình thức ghi số lô: Người chơi chọn số lô và đặt cược theo điểm, nếu số lô người chơi đã mua trùng với 02 số cuối của bất kì giải nào của kết quả xổ số kiến thiết Miền B cùng ngày thì người chơi thắng (trúng lô) và được 80.000 đồng/01 điểm lô;

Đối với hình thức ghi lô xiên 2, xiên 3, xiên 4: Người chơi chọn số lô và đặt cược tiền. Người chơi chọn 2 số lô (đối với xiên 2), chọn 3 số lô (đối với xiên 3) và chọn 4 số lô (đối với xiên 4), kết hợp chúng thành 1 bộ rồi đánh. Nếu tất cả số lô người chơi đã chọn trùng với 02 số cuối của một trong các giải, từ giải đặc biệt đến giải 7 của kết quả xổ số kiến thiết Miền B cùng ngày thì người chơi thắng cược và được gấp 10 lần số tiền người chơi đã cược đối với lô xiên 2, được gấp 40 lần số tiền đã cược đối với lô xiên 3, được gấp 100 lần số tiền đã cược đối với lô xiên 4.

Cụ thể, ngày 16/5/2024 T đã ghi số lô, số đề cho khách như sau: Xiên quay 4 (04, 34, 23, 92) mỗi xiên 30.000 đồng = 330.000 đồng; Đề 23, 32, 62 mỗi số 110.000

đồng; Đẻ 11 x 330.000 đồng; Đẻ 55, 00 mỗi số 220.000 đồng; Đẻ 223 x 55.000 đồng; Đẻ kép 10 số mỗi số 220.000 đồng; Đẻ 88, 33 mỗi số 25.000 đồng; Đẻ 44 x 220.000 đồng; Đẻ 49 x 55.000 đồng; Đẻ 66 x 33.000 đồng; Đẻ 549x 22.000 đồng; Đẻ 449x 5.000 đồng; Đẻ 021 x 22.000 đồng. Tổng cộng T bán 25 số đẻ tương đương 3.762.000 đồng; Bán số Lô 23, 04 mỗi số 200 điểm; Lô A, 39 mỗi số 150 điểm; Lô A, 06, 76, 87, 51 mỗi số 100 điểm; Lô 02, 06 mỗi số 150 điểm; Lô D, 59 mỗi số 10 điểm; Lô 49 x 15 điểm. Bán 13 số lô tương đương 1520 điểm, 22.500 đồng/01 điểm. Riêng lô 49, 59 Thuyết tính 23.000 đồng/01 điểm. Tổng bán 1535 điểm lô = 34.555.000 đồng; Lô xiên 2 (02, 06) x 550.000 đồng = 550.000 đồng. Tổng số tiền T tổ chức đánh bạc ngày 16/5/2024 là: 39.197.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).

Trong những khách mua số lô, số đẻ của T ngày 16/5/2024 có Lê Văn T2 mua hai số lô 02, 06 mỗi số 150 điểm (mỗi điểm 22.500 đồng) = 6.750.000 đồng. Số lô xiên 2: (02-06) số tiền 550.000 đồng, T khuyến mại thêm vào tích kê 50.000 đồng. Tổng số tiền T2 mua số lô của T là 7.250.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Tập nhận tích kê và thanh toán toàn bộ số tiền 7.250.000 đồng bằng tiền mặt cho T. Số tiền đánh bạc của Lê Văn T2 ngày 16/5/2024 là 7.250.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Đối với hành vi mua số lô, số đẻ của Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Xuân T3 như sau: Nguyễn Văn Đ khai mua hai số lô 49, 59 mỗi số 10 điểm (giá 23.000 đồng/01 điểm lô). Tổng số tiền Đ mua các số lô là 460.000 đồng. Đ nhận tích kê và thanh toán số tiền 460.000 đồng bằng tiền mặt cho T; Nguyễn Xuân T3 khai mua số đẻ 44 với số tiền 200.000 đồng. T3 nhận tích kê và thanh toán số tiền 200.000 đồng bằng tiền mặt cho T. Do nhân thân của Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Xuân T3 chưa có tiền án, tiền sự và số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định số: 1829 và 1830/QĐ-XPHC ngày 20/8/2024 về việc: Xử phạt vi phạm hành chính hành đối với Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Xuân T3 về hành vi: “*Mua số lô, số đẻ*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, mức phạt tiền là: 350.000 đồng/người.

Đối với các số lô, số đẻ T bán cho khách vào các ngày trước đó, do Cơ quan điều tra không thu giữ được tích kê, giấy tờ có ghi số lô, số đẻ, T không nhớ được số lô, số đẻ đã ghi cho khách nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý. Tại Cơ quan điều tra, T và T2 khai nhận hành vi mua, bán số lô, số đẻ như đã nêu trên.

Theo Cáo trạng số: 237/CT-VKSNTL ngày 12/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo Đặng Thị Thanh T về tội: “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; Truy

tố Bị cáo Lê Văn T2 về tội: “*Đánh bạc*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định như sau:

“Điều 321. Tội đánh bạc

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng những đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa bị xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

“Điều 322. Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc

1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên;”

Tại phiên tòa: Bị cáo Đặng Thị Thanh T và Lê Văn T2 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của các Bị cáo và xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo Đặng Thị Thanh T về tội: “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; Truy tố Bị cáo Lê Văn T2 về tội: “*Đánh bạc*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, là đúng với hành vi các Bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các Bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, được cải tạo ngoài xã hội, cũng là bài học cho các Bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo Đặng Thị Thanh T và Lê Văn T2 và kết luận, giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo Đặng Thị Thanh T về tội: “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; Truy tố Bị cáo Lê Văn T2 về tội: “*Đánh bạc*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các Bị cáo trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Bị cáo T2 phạm tội ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội, các Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Bị cáo T đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án Quận Nam Từ Liêm ngày 25/9/2024 toàn bộ số tiền do phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” mà có; Gia đình Bị cáo T có công với Cách mạng, đề nghị Hội đồng xét xử

cho Bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo T2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Các Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các Bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao các Bị cáo về UBND nơi các Bị cáo cư trú để giám sát giáo dục các Bị cáo trong thời gian thử thách cũng có tác dụng giáo dục các Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 322; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với Bị cáo T từ 18 đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng; Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với Bị cáo T2 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng;

Về hình phạt bổ sung: Các Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước phương tiện phạm tội của Bị cáo T là: 01 điện thoại di động Iphone X màu đen đã qua sử dụng; Buộc Bị cáo T phải nộp vào ngân sách Nhà Nước số tiền 39.197.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) do Bị cáo T phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” mà có (*Được trừ vào số tiền 13.500.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm giữ của Bị cáo và số tiền: 25.697.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng)*) Bị cáo T đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án Quận Nam Từ Liêm ngày 25/9/2024), Bị cáo T đã nộp đủ số tiền do phạm tội mà có; Lưu hồ sơ vụ án: 03 tờ tích kê ghi các số lô, số đề, là vật chứng của vụ án (*Bút lục số: 66; 69; 72*); Về trách nhiệm dân sự: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các Bị cáo: Lời khai nhận tội của Bị cáo T và Bị cáo T2 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các Bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy, có đủ cơ sở để xác định: Vào hồi 18 giờ 00 phút ngày 16/5/2024, tại số H N,

phường C, quận N, thành phố Hà Nội, Đặng Thị Thanh T đã có hành vi “*Tổ chức đánh bạc*” dưới hình thức bán số lô, số đề cho Lê Văn T2 và nhiều khách khác, mục đích thu lợi bất chính. Do thời điểm bị bắt trước giờ mở thưởng nên xác định tổng số tiền T tổ chức đánh bạc là 39.197.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn đồng*). Toàn bộ số tiền bán số lô, số đề T giữ lại để tự thanh toán thắng thua với khách. Trong ngày 16/5/2024, Lê Văn T2 đã mua số lô của Đặng Thị Thanh T với số tiền là: 7.250.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền đánh bạc của Lê Văn T2 là: 7.250.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo T và T2 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Hành vi nêu trên của Bị cáo Đặng Thị Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Tổ chức đánh bạc*” theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; Hành vi nêu trên của Bị cáo Lê Văn T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Đánh bạc*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố Bị cáo T và T2 về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của Bị cáo T và T2 không chỉ xâm phạm đến trật tự công cộng, mà còn xâm phạm đến đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà Nước về phòng chống các tệ nạn xã hội, còn là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác. Các Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, nhận thức rõ hành vi “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*” là vi phạm pháp luật, nhưng với động cơ tư lợi, mục đích nhằm thu lợi bất chính từ việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc, các Bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, các Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các Bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các Bị cáo trước khi phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; Bị cáo T2 phạm tội ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội và tại phiên tòa, các Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo T đã tự nguyện nộp vào ngân sách Nhà Nước toàn bộ số tiền do Bị cáo phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” mà có; Gia đình Bị cáo T có công với Cách mạng, nên Bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo T2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các Bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng, các Bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, nên cho các Bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, không cần phải bắt các Bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho các Bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao các Bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi các Bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục các Bị cáo trong thời gian thử thách, Gia đình các Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo, cũng có tác dụng giáo dục các Bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với các Bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các Bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử nhận thấy các Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo;

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Đ1 a, b Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước phương tiện phạm tội của Bị cáo T là: 01 điện thoại di động Iphone X màu đen đã qua sử dụng; Buộc Bị cáo T phải nộp vào ngân sách Nhà Nước số tiền 39.197.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) do Bị cáo T phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” mà có (*Được trừ vào số tiền 13.500.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm giữ của Bị cáo và số tiền: 25.697.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng)* Bị cáo T đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án Quận Nam Từ Liêm ngày 25/9/2024), xác nhận Bị cáo T đã nộp đủ số tiền do phạm tội mà có; Lưu hồ sơ vụ án: 03 tờ tích kê ghi các số lô, số đề, là vật chứng của vụ án (*Bút lục số: 66; 69; 72*);

[6] Về trách nhiệm dân sự: Không;

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng

và Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Thị Thanh T phạm tội: “Tổ chức đánh bạc”; Bị cáo Lê Văn T2 phạm tội: “Đánh bạc”;

Căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 322; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị Thanh T 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao Bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường C, quận N, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T2 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao Bị cáo T2 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc để giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình các Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các Bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1, Đ1 a, b Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước: 01 điện thoại di động Iphone X màu đen đã qua sử dụng (*Có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 294 ngày 19/9/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội*);

Buộc Bị cáo T phải nộp vào ngân sách Nhà Nước số tiền 39.197.000 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi chín triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn đồng*), được trừ vào số tiền

13.500.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm giữ của Bị cáo và số tiền: 25.697.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng) Bị cáo T đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án Quận Nam Từ Liêm ngày 25/9/2024 (Xác nhận Bị cáo T đã nộp đủ số tiền do phạm tội mà có theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 19/9/2024 tại Kho bạc N, thành phố Hà Nội và Biên lai thu tiền số 0026532 ngày 25/9/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Nam Từ Liêm).

Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136, Khoản 1 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo T, T2, mỗi Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm;

Các Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhân :

- Các Bị cáo;
- VKSND Q . Nam Từ Liêm;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an Q.N;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP . Hà Nội;
- Chi cục T5.Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS TAND Q.Nam Từ Liêm;
- UBND P.Cầu Diễn, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội;
- UBND xã A, H.Vĩnh Tường, T.Vĩnh Phúc;
- Gia đình Bị cáo;
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ T4

